TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lý.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:272/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trương Thị Bích S, sinh năm 1990, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn*: Trần Văn Hòa Th, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Chổ ở hiện nay: Khóm 3, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thị Bích S trình bày: Vào năm 2008, chị S và anh Th có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009, thời gian sinh sống

thì hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, nên đến tháng 11 năm 2013 đã ly thân không còn sống chung nữa. Nay chị S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết. Về hôn nhân, chị Trương Thị Bích S yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Hòa Th. Về con chung, có một con chung tên Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009 chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản ghi ý kiến ngày 19-02-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Văn Hòa Th trình bày: Qua trình bày của chị S, anh Th thống nhất về hôn nhân vào năm 2008, chị S và anh Th có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh Th thống nhất ly hôn với chị S. Về con chung, anh Th không thống nhất giao con chung cho chị S nuôi dưỡng. Anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009 không yêu cầu chị S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị S và anh Th sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, do vậy đề nghị HĐXX không công nhận chị Trương Thị Bích S và anh Trần Văn Hòa Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Theo nguyện vọng của cháu G xin được sống với mẹ. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, anh Th không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Văn Hòa Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Hòa Th tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 2008 đến nay, chị S và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*". Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị S và anh Th không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị S và anh Th là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị S và anh Th có một con chung tên Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009, chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh Th không thống nhất giao con chung cho chị S nuôi dưỡng và anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009, không yêu cầu chị S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu G đang sống chung với chị S và cháu G có nguyện vọng sống chung với chị S. Bên cạnh đó, chị S đang làm việc (làm thuê) và sinh sống tại ấp 2, xã B, huyện Tân Hồng còn anh Th thì làm công nhân ở Bình Thuận, hơn nữa từ tháng 11-2013 đến nay chị S và anh Th ly thân với nhau, anh Th không thường xuyên về thăm nom cháu G. Do đó, để thuận lợi cho việc chăm sóc và học hành của cháu G. Nên chấp nhận yêu cầu của chị S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G và phù hợp với nguyện vọng của cháu G, không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Th. Về cấp dưỡng, chị S không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, chị Trương Thị Bích S phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Trần Văn Hòa Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trương Thị Bích S và anh Trần Văn Hòa Th là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị S. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Th.

Giao cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 17-02-2009 cho chị Trương Thị Bích S tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn Hòa Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị Bích S không yêu cầu anh Trần Văn Hòa Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Trương Thị Bích S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0002187 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị Trương Thị Bích S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn Hòa Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2019). Bị đơn được

quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương